

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

PHẠM VĂN SÍNH

**CÁC TỘI XÂM PHẠM BÍ MẬT NHÀ NƯỚC
TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Luật hình sự và tổ tụng hình sự
Mã số: 60 38 01 04

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2015

**Công trình được hoàn thành tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Cán bộ hướng dẫn khoa học: PGS. TS. TRẦN VĂN LUYỆN

Phản biện 1:

Phản biện 2:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.
Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2015**

Có thể tìm hiểu luận văn tại

**Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội
Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội**

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

Trang

Trang phụ bìa	
Lời cam đoan	
Mục lục	
Các chữ các chữ viết tắt	
Danh mục các bảng	
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÁC TỘI XÂM PHẠM BÍ MẬT NHÀ NƯỚC TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM	8
1.1. Khái niệm các tội xâm phạm bí mật nhà nước	8
1.1.1. Khái niệm bí mật nhà nước.....	8
1.1.2. Khái niệm tội cố ý làm lộ bí mật nhà nước; tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu bí mật nhà nước.....	13
1.1.3. Khái niệm tội vô ý làm lộ bí mật nhà nước, tội làm mất tài liệu bí mật nhà nước.....	14
1.2. Lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam về các tội xâm phạm bí mật nhà nước	15
1.2.1. Giai đoạn từ năm 1945 đến trước khi ban hành Bộ luật Hình sự năm 1985	15
1.2.2. Các tội xâm phạm bí mật nhà nước trong Bộ luật Hình sự năm 1985 ...	20
Kết luận chương 1	22
Chương 2: QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM NĂM 1999 VỀ CÁC TỘI XÂM PHẠM BÍ MẬT NHÀ NƯỚC VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG	23
2.1. Dấu hiệu pháp lý của các tội xâm phạm bí mật nhà nước	23
2.1.1. Khách thể của tội phạm	23
2.1.2. Mặt khách quan của tội phạm.....	27
2.1.3. Mặt chủ quan của tội phạm.....	38
2.1.4. Chủ thể của tội phạm	40
2.1.5. Hình phạt.....	43
2.2. Thực tiễn áp dụng	45
2.2.1. Thực trạng lộ, mất bí mật nhà nước.....	45
2.2.2. Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm bí mật nhà nước	50
2.2.3. Định tội danh.....	52
2.2.4. Áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự	59

2.2.5.	Áp dụng hình phạt chính và hình phạt bổ sung	65
2.2.6.	Nguyên nhân của những hạn chế, bất cập trong áp dụng các tội xâm phạm bí mật nhà nước	67
	Kết luận chương 2	69
	Chương 3: HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM NĂM 1999 VỀ CÁC TỘI XÂM PHẠM BÍ MẬT NHÀ NƯỚC.....	70
3.1.	Kiến nghị hoàn thiện pháp luật hình sự quy định các tội xâm phạm bí mật nhà nước	71
3.1.1.	Kiến nghị sửa đổi, hoàn thiện Điều 263	71
3.1.2.	Kiến nghị sửa đổi, hoàn thiện Điều 264	73
3.1.3.	Kiến nghị xây dựng Thông tư liên ngành tư pháp Trung ương hướng dẫn áp dụng các tội xâm phạm bí mật nhà nước	74
3.2.	Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự về các tội xâm phạm bí mật nhà nước.....	76
3.2.1.	Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước	76
3.2.2.	Bồi dưỡng, đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ trực tiếp điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm bí mật nhà nước	78
3.2.3.	Nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm bí mật nhà nước	80
3.2.4.	Tăng cường quan hệ phối hợp giữa các cơ quan tư pháp trong điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm bí mật nhà nước	85
3.2.5.	Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ, sơ kết, tổng kết trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm bí mật nhà nước	88
3.2.6.	Tăng cường giám sát của nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các phương tiện truyền thông đại chúng trong áp dụng pháp luật về các tội xâm phạm bí mật nhà nước	90
	KẾT LUẬN	93
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	96
	PHỤ LỤC	99

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật xử lý hành vi vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ BMNN. Theo đó, hành vi xâm phạm BMNN đủ yếu tố cấu thành tội phạm sẽ bị xử lý theo quy định BLHS năm 1999 tại Điều 263 (tội cố ý làm lộ BMNN; tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu BMNN); Điều 264 (tội vô ý làm lộ BMNN, tội làm mất tài liệu BMNN). Theo thống kê xét xử, từ năm 2004 đến năm 2014, Tòa án nhân dân các cấp đã thụ lý, xét xử 53 vụ án, với 177 bị cáo xâm phạm BMNN theo quy định của pháp luật hình sự.

Thực tiễn công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm phạm BMNN theo Luật hình sự nước ta nảy sinh một số vướng mắc, bất cập chưa được sửa đổi, bổ sung hoặc hướng dẫn áp dụng của các cơ quan chức năng, như: Vấn đề định tội danh, hành vi tiêu hủy tài liệu BMNN, chiếm đoạt tài liệu BMNN; gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng... Những vướng mắc, bất cập trên đã gây khó khăn, lúng túng trong áp dụng các quy định của Luật hình sự trong hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án xâm phạm BMNN.

Để làm sáng tỏ về mặt lý luận, nguyên nhân, hạn chế của việc áp dụng pháp luật hình sự đối với tội phạm này và hoàn thiện pháp luật, kiến nghị những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của Luật hình sự Việt Nam năm 1999 đối với các tội xâm phạm BMNN là vấn đề quan trọng và mang tính cấp thiết. Vì vậy, học viên chọn đề tài "***Các tội xâm phạm bí mật Nhà nước trong Luật Hình sự Việt Nam***" làm luận văn thạc sĩ luật học.

2. Tình hình nghiên cứu của đề tài

Ở nước ta, cho đến nay đã có 04 đề tài khoa học cấp Bộ, 02 đề tài cấp cơ sở, 01 Luận án tiến sĩ, 01 luận văn thạc sĩ nghiên cứu liên quan đến công tác bảo vệ BMNN và hơn 60 bài viết đăng trên Tạp chí Công an nhân dân, Tạp chí khoa học và Chiến lược Công an. Tuy nhiên, các đề tài, luận án, luận văn và các bài viết trên chủ yếu đề cập và giải quyết những vấn đề nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác bảo vệ BMNN trong từng lĩnh vực cụ thể, chưa có đề tài nào nghiên cứu về các tội xâm phạm BMNN trong Luật hình sự Việt Nam. Vì vậy, đây là đề tài đầu tiên nghiên cứu về vấn đề này và việc nghiên cứu đề tài "Các tội xâm phạm BMNN trong Luật hình sự Việt Nam" là đòi hỏi khách quan, có ý nghĩa quan trọng trên cả phương diện lý luận và thực tiễn.

3. Mục đích, nhiệm vụ và phạm vi nghiên cứu của luận văn

3.1. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu các quy định của pháp luật về các tội xâm phạm BMNN dưới khía cạnh lập pháp hình sự và áp dụng pháp luật trong thực tiễn, từ đó luận văn đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện quy định về các tội xâm phạm BMNN trong Luật hình sự Việt Nam, đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng những quy định này trong thực tiễn.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Nghiên cứu làm sáng tỏ một số vấn đề chung về bảo vệ BMNN như: Khái niệm BMNN, đặc điểm của BMNN; tội xâm phạm các BMNN trong Luật hình sự Việt Nam.

- Khái quát lịch sử phát triển của pháp luật hình sự của nước ta từ năm 1945 đến nay về các tội xâm phạm BMNN và dấu hiệu pháp lý của các tội xâm phạm BMNN theo quy định của BLHS Việt Nam năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) để rút ra những nhận xét, đánh giá.

- Nghiên cứu, đánh giá thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về tội xâm phạm BMNN; phân tích làm rõ những tồn tại, hạn chế xung quanh việc áp dụng pháp luật và những nguyên nhân của tồn tại, hạn chế.

- Kiến nghị, đề xuất những định hướng và giải pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật về các tội xâm phạm BMNN trong BLHS Việt Nam năm 1999; nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định này trong thực tiễn.

3.3. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu và giải quyết những vấn đề xung quanh các quy định về các tội xâm phạm BMNN trong luật hình sự Việt Nam, kết hợp với việc nghiên cứu, đánh giá tình hình áp dụng pháp luật trong thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử và những nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế để kiến nghị những giải pháp hoàn thiện luật thực định và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật trong thực tiễn.

Luận văn nghiên cứu trong phạm vi toàn quốc.

Về thời gian: Luận văn nghiên cứu thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật hình sự về các tội xâm phạm BMNN trong 10 năm (2004-2014).

4. Phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu

Đề tài được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận chủ nghĩa duy vật lịch sử và chủ nghĩa duy vật biện chứng mác-xít, tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng Nhà nước pháp quyền, chính sách hình sự, vấn đề cải cách tư pháp.

Trong quá trình nghiên cứu đề tài, tác giả luận văn đã sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp; phương pháp so sánh, đối chiếu; phương pháp diễn dịch; phương pháp quy nạp; phương pháp thống kê,

điều tra xã hội học, phương pháp chuyên gia để tổng hợp các tri thức khoa học luật hình sự và luận chứng các vấn đề tương ứng được nghiên cứu trong luận văn.

5. Những điểm mới và đóng góp của luận văn

- Tổng hợp các quan điểm khoa học trong nước về BMNN, đặc điểm của BMNN để xây dựng khái niệm các tội xâm phạm BMNN;

- Nghiên cứu chỉ ra những đặc điểm chủ yếu của quá trình hình thành và phát triển các tội xâm phạm BMNN trong luật hình sự Việt Nam từ năm 1945 cho đến nay;

- Nghiên cứu, đánh giá thực trạng áp dụng các quy định của pháp luật về các tội xâm phạm BMNN trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử; tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế trong áp dụng các quy định của pháp luật về các tội xâm phạm BMNN;

- Kiến nghị giải pháp hoàn thiện pháp luật thực định và nâng cao hiệu quả áp dụng quy định này trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền và cải cách tư pháp hiện nay ở Việt Nam.

6. Kết cấu của luận văn

Chương 1: Những vấn đề lý luận chung về các tội xâm phạm BMNN trong Luật hình sự Việt Nam.

Chương 2: Các quy định của BLHS Việt Nam năm 1999 về các tội xâm phạm BMNN và thực tiễn áp dụng.

Chương 3: Hoàn thiện pháp luật và những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của BLHS Việt Nam năm 1999 về các tội xâm phạm BMNN.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÁC TỘI XÂM PHẠM BÍ MẬT NHÀ NƯỚC TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.1. Khái niệm các tội xâm phạm bí mật nhà nước

1.1.1. Khái niệm bí mật nhà nước

Theo Từ điển Tiếng Việt (tr.102): “*Bí mật là điều cần giữ kín trong phạm vi một số ít người, không để lộ cho người ngoài biết*”. Điều 2 Sắc lệnh số 69/SL ngày 10/12/1951 của Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa quy định: “*Bí mật quốc gia là những việc, những tài liệu, những địa điểm và những điều gì mà để tiết lộ ra thì có hại cho ta, có lợi cho địch*”.

Pháp lệnh Bảo vệ BMNN năm 1991 quy định: “*BMNN là những tin về vụ việc, tài liệu, vật, địa điểm, thời gian, lời nói có nội dung quan trọng*

thuộc lĩnh vực chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế, khoa học, công nghệ, các lĩnh vực khác mà Nhà nước không công bố hoặc chưa công bố và nếu bị tiết lộ thì gây nguy hại cho Nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam".

Điều 1, Pháp lệnh Bảo vệ BMNN năm 2000 quy định: "*BMNN là những tin về vụ việc, tài liệu, vật, địa điểm, thời gian, lời nói có nội dung quan trọng thuộc lĩnh vực chính trị, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, kinh tế, khoa học, công nghệ, các lĩnh vực khác mà Nhà nước không công bố hoặc chưa công bố và nếu bị tiết lộ thì gây nguy hại cho Nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam".*

1.1.2. Khái niệm tội cố ý làm lộ bí mật nhà nước; tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu bí mật nhà nước

Tội cố ý làm lộ BMNN; tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu BMNN là hành vi của một người nhận thức rõ hành vi của mình làm lộ BMNN, thấy trước hậu quả của hành vi và mong muốn hậu quả đó xảy ra hoặc để mặc cho hậu quả xảy ra; chuyển dịch, mua bán, trao đổi hoặc bất kỳ hành vi nào làm cho tài liệu BMNN bị hủy hoặc không còn khả năng phục hồi.

1.1.3. Khái niệm tội vô ý làm lộ bí mật nhà nước, tội làm mất tài liệu bí mật nhà nước

Tội vô ý làm lộ BMNN, tội làm mất BMNN là hành vi của một người tuy thấy trước hành vi của mình có thể làm lộ BMNN nhưng cho rằng hậu quả đó sẽ không xảy ra hoặc có thể được ngăn ngừa hoặc không thấy trước hậu quả đó dù pháp luật bắt buộc phải thấy trước hoặc có thể thấy trước; là hành vi thiếu trách nhiệm hoặc do cầu thả nên để mất tài liệu BMNN.

1.2. Lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam về các tội xâm phạm bí mật nhà nước

1.2.1. Giai đoạn từ năm 1945 đến trước khi ban hành BLHS năm 1985

Ngày 17 tháng 11 năm 1950 Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã ký, ban hành Sắc lệnh số 154/SL (sau đây gọi tắt là Sắc lệnh số 154) ấn định những hình phạt trừng trị việc tiết lộ bí mật về cơ quan hay công tác của Chính phủ.

Ngày 10 tháng 12 năm 1951, Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã ký, ban hành Sắc lệnh số 69/SL bổ khuyết cho Sắc lệnh số 154-SL với mục đích “giữ bí mật quốc gia, ngăn ngừa địch và tay sai của chúng dò xét, đánh cắp bí mật quốc gia; đặt nhiệm vụ cho bộ đội, cơ quan, cán bộ, đoàn thể, các báo chí và nhân dân phải giữ bí mật quốc gia”.

Ngày 20 tháng 01 năm 1953, Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ký, ban hành Sắc lệnh số 133/SL trừng trị các loại Việt gian, phản động và xét xử những âm mưu hành động phản quốc. Trong văn bản này, các tội

xâm phạm BMNN không được quy định cụ thể, chi tiết trong một điều luật riêng mà hành vi xâm phạm BMNN được quy định trong tội gián điệp.

Ngày 14 tháng 6 năm 1962, Hội đồng Chính phủ ban hành Nghị định số 69-CP quy định những vấn đề thuộc phạm vi bí mật của nhà nước và trách nhiệm trong việc giữ gìn BMNN của nhà nước. Nghị định có một chương riêng quy định về những vấn đề thuộc phạm vi BMNN; hai điều quy định việc xử lý những người có hành vi xâm phạm BMNN.

Ngày 30 tháng 10 năm 1967, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Pháp lệnh trừng trị các tội phản cách mạng. Trong Pháp lệnh trừng trị các tội phản cách mạng, tội xâm phạm BMNN cũng không được quy định cụ thể tại một điều luật riêng, hành vi xâm phạm BMNN được quy định trong Điều 5 (Tội gián điệp).

1.2.2. Các tội xâm phạm bí mật nhà nước trong BLHS năm 1985

- Tội cố ý làm lộ BMNN, tội chiếm đoạt, mua bán hoặc tiêu hủy tài liệu BMNN quy định tại Điều 92 với nội dung: Người nào cố ý làm lộ BMNN hoặc chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu BMNN, nếu không thuộc trường hợp quy định ở Điều 74 (Tội gián điệp) và Điều 80 (Tội phá hoại việc thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội) thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm; phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng thì phạt tù từ năm năm đến mười lăm năm;

- Tội vô ý làm lộ BMNN, tội làm mất tài liệu BMNN quy định tại Điều 93 với nội dung: Người nào vô ý làm lộ BMNN hoặc làm mất BMNN thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc bị tù từ sáu tháng đến ba năm; phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

Chương 2

QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM NĂM 1999 VỀ CÁC TỘI XÂM PHẠM BÍ MẬT NHÀ NƯỚC VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG

2.1. Dấu hiệu pháp lý của các tội xâm phạm bí mật nhà nước

2.1.1. Khách thể của tội phạm

2.1.1.1. Khách thể của tội cố ý làm lộ BMNN; tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu BMNN

Khách thể trực tiếp bị xâm phạm của tội cố ý làm lộ BMNN, chiếm đoạt tài liệu BMNN, mua bán tài liệu BMNN, tiêu hủy tài liệu BMNN là các chế độ, quy định về bảo vệ BMNN, sự an toàn của BMNN.

2.1.1.2. Khách thể của tội vô ý làm lộ BMNN, tội làm mất tài liệu BMNN

Khách thể của Tội vô ý làm lộ BMNN; tội làm mất tài liệu BMNN là sự xâm hại trực tiếp chế độ, quy định về bảo vệ BMNN, sự an toàn của BMNN.

2.1.2. Mặt khách quan của tội phạm

2.1.2.1. Mặt khách quan của tội cố ý làm lộ BMNN; tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu BMNN

- Mặt khách quan của tội cố ý làm lộ BMNN: Thể hiện ở hành vi cố ý làm cho người khác biết về BMNN. Hành vi cố ý này có thể thực hiện bằng lời nói, cho người khác ghi chép, sao chụp, đưa lên phương tiện thông tin truyền thông hoặc xem các nội dung thuộc BMNN... Hậu quả xảy ra không phải là dấu hiệu bắt buộc của tội phạm này. Tội phạm hoàn thành từ khi người khác biết được các nội dung thuộc BMNN, bất kể người đó sử dụng BMNN vào việc gì, có gây ra hậu quả hay không.

- Mặt khách quan của tội chiếm đoạt tài liệu BMNN: Chiếm đoạt tài liệu BMNN là hành vi chiếm giữ trái phép làm cho các tài liệu bí mật của nhà nước bị tách rời khỏi sự quản lý hợp pháp của người có trách nhiệm quản lý.

- Mặt khách quan của tội mua bán tài liệu BMNN: Mua bán tài liệu BMNN là hành vi dùng tiền hoặc các lợi ích vật chất khác để trao đổi lấy tài liệu BMNN. Hậu quả không phải là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm. Tội phạm hoàn thành từ thời điểm người phạm tội thực hiện các hành vi khách quan nêu trên.

- Mặt khách quan của tội tiêu hủy tài liệu BMNN: Tiêu hủy tài liệu BMNN là hành vi làm hư hỏng, làm cho tài liệu BMNN bị mất hẳn nội dung, không thể khôi phục lại được hoặc nếu có khả năng khôi phục lại cũng rất tốn kém công sức. Hậu quả của hành vi phạm tội này là làm mất đi giá trị sử dụng của tài liệu BMNN. Tội phạm hoàn thành từ thời điểm hậu quả xảy ra.

Nghiên cứu mặt khách quan của các tội phạm này không giống nhau, tính nguy hiểm của các tội phạm cũng khác nhau. Ví dụ: Hành vi mua bán tài liệu BMNN nguy hiểm hơn hành vi chiếm đoạt hoặc tiêu hủy tài liệu BMNN, nhưng lại có chung một chế tài hình phạt chính và hình phạt bổ sung. Đây là điều không hợp lý cần phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2.1.2.2. Mặt khách quan của tội vô ý làm lộ BMNN, tội làm mất tài liệu BMNN

- Mặt khách quan của tội vô ý làm lộ BMNN thể hiện ở hành vi không thực hiện đúng các quy định về phòng gian, bảo mật mà vô tình làm cho người khác biết BMNN.

- Mặt khách quan của tội làm mất tài liệu BMNN được thể hiện ở hành vi vi phạm các quy định về sử dụng, vận chuyển, bảo quản, cất giữ tài liệu

BMNN, làm cho các tài liệu BMNN thoát khỏi sự quản lý của người được giao quản lý, sử dụng, vận chuyển, bảo quản hoặc cất giữ. Đây là tội có cấu thành vật chất nên hậu quả là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội phạm. Tội phạm hoàn thành từ thời điểm xảy ra hậu quả mất tài liệu BMNN.

2.1.3. Mặt chủ quan của tội phạm

2.1.3.1. Mặt chủ quan của tội cố ý làm lộ BMNN; tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu BMNN

Lỗi của người phạm tội cố ý làm lộ BMNN; tội chiếm đoạt BMNN, mua bán, tiêu hủy tài liệu BMNN là lỗi cố ý trực tiếp. Người phạm tội nhận thức được việc làm lộ BMNN, chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu BMNN là hành vi nguy hiểm cho xã hội và có ý thức thực hiện tội phạm.

2.1.3.2. Mặt chủ quan của tội vô ý làm lộ BMNN, tội làm mất tài liệu BMNN

Lỗi của người phạm tội vô ý làm lộ BMNN, tội làm mất tài liệu BMNN là lỗi vô ý. Người phạm tội không nhận thức được hành vi làm lộ, làm mất BMNN của mình nguy hiểm cho xã hội.

2.1.4. Chủ thể của tội phạm

2.1.4.1. Chủ thể của tội cố ý làm lộ BMNN; tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu BMNN

Chủ thể của các tội cố ý làm lộ BMNN; chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu BMNN là bất kỳ người nào từ đủ 16 tuổi trở lên, có năng lực trách nhiệm hình sự và từ đủ 14 tuổi trở lên nếu vi phạm Khoản 3 của Điều 263 BLHS.

2.1.4.2. Chủ thể của tội vô ý làm lộ BMNN, tội làm mất tài liệu BMNN

Chủ thể của tội vô ý làm lộ BMNN, tội làm mất tài liệu BMNN là bất kỳ người nào từ đủ 16 tuổi trở lên, có năng lực trách nhiệm hình sự.

2.1.5. Hình phạt

2.1.5.1 Khung hình phạt cơ bản

- Khoản 1 Điều 263 BLHS quy định “Người nào cố ý làm lộ BMNN hoặc chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu BMNN, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 80 của Bộ luật này thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”.

- Khoản 1 Điều 264 BLHS quy định “Người nào vô ý làm lộ BMNN hoặc làm mất BMNN thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.

2.1.5.2. Khung hình phạt tăng nặng

- Khung hình phạt tăng nặng thứ nhất:

+ Khoản 2 Điều 263 BLHS quy định “Phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng thì bị phạt tù từ năm năm đến mười năm”.

+ Khoản 2 Điều 264 BLHS quy định “Phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”.

- Khung hình phạt tăng nặng thứ hai: Khoản 3 Điều 263 BLHS quy định “Phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù từ mười năm đến mười lăm năm”.

2.1.5.3. Hình phạt bổ sung

- Khoản 4 Điều 263 BLHS năm 1999 quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm”.

- Khoản 3 Điều 264 BLHS năm 1999 quy định “Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm”.

2.2. Thực tiễn áp dụng

2.2.1. Thực trạng lộ, mất bí mật nhà nước

Theo thống kê chưa đầy đủ, từ năm 2004 đến năm 2014 xảy ra khoảng 510 vụ lộ, mất BMNN với trên 1.000 tin, tài liệu, vật mang BMNN. Tình trạng lộ, mất BMNN thông thường xảy ra với nhiều hình thức khác nhau, trong đó chủ yếu lộ, mất qua các hình thức sau:

Lộ, mất BMNN do hoạt động đánh cắp của nước ngoài và bọn tội phạm; lộ, mất BMNN qua thông tin liên lạc: Lực lượng chức năng đã phát hiện 418 vụ lộ, mất BMNN qua thông tin, liên lạc, trong đó có 363 vụ trên Internet; lộ, mất BMNN qua báo chí, xuất bản; lộ, mất BMNN qua quan hệ hợp tác quốc tế.

Thực hiện không đúng quy định của pháp luật về bảo vệ BMNN.

Vì lợi ích cá nhân cung cấp, bán BMNN cho các cơ quan, tổ chức trong nước và nước ngoài.

2.2.2. Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm bí mật nhà nước

Theo thống kê, từ năm 2004 đến năm 2014, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân các cấp đã khởi tố 63 vụ, 213 bị can; truy tố 62 vụ, 199 bị can và xét xử 53 vụ, 177 bị cáo về Tội cố ý làm lộ BMNN; tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu BMNN; khởi tố, truy tố, xét xử 01 vụ, 1 bị cáo về Tội vô ý làm lộ BMNN, tội làm mất tài liệu BMNN. Trong đó, có 36 bị cáo bị phạt tù từ 03 năm trở xuống; 16 bị cáo bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm; 06 bị cáo cải tạo không giam giữ; 26 bị cáo được hưởng án treo; 04 bị cáo được miễn trách nhiệm hình sự; 01 bị cáo từ đủ 16 đến 18 tuổi; 15 bị cáo từ 18 tuổi đến 30 tuổi; 06 bị cáo là nữ; 01 bị cáo là người dân tộc thiểu số; 01 bị cáo là người nước ngoài (kèm theo Bảng 2.1 đến Bảng 2.12).

Như vậy, so với số vụ lộ, mất BMNN đã xảy ra thì tỷ lệ khởi tố điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN còn rất thấp, đặc biệt là tỷ lệ khởi tố, điều tra chỉ đạt 12,5%. Trong khi đó, tỷ lệ truy tố so với số vụ đã khởi tố điều tra đạt 98%; tỷ lệ xét xử so với số vụ truy tố đạt 85,4%. Đối với tội vô ý làm lộ BMNN, tội làm mất BMNN, trong nhiều năm nay ngành tư pháp rất ít thụ lý, xét xử những vụ án này (chỉ có 01 vụ, 01 bị cáo).

2.2.3. Định tội danh

Định tội danh là một vấn đề rất quan trọng trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Đây là tiền đề cho việc phân hóa trách nhiệm hình sự và cá thể hoá hình phạt một cách công minh, chính xác. Chúng tôi xin nêu một số vụ án cụ thể và một số quan điểm khác nhau xung quanh việc định tội danh đối với các tội xâm phạm BMNN:

Ví dụ vụ án: Lê Văn T, Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Minh Phương cùng ông Phùng Đức C, Giám đốc Công ty xây dựng Hiếu Ngân và ông Nông Xuân H, cán bộ Công ty vận tải dầu khí thuộc Tổng công ty Dầu khí Việt Nam lên Ủy ban nhân dân tỉnh B tìm hiểu và xin tham gia vào các dự án phát triển kinh tế của tỉnh. Ông Nguyễn Công N chuyên viên Nông lâm nghiệp đại diện cho Ủy ban nhân dân tỉnh B đã giới thiệu với T, C, H về tình hình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh B. Ông Lê Văn T, C, H đề nghị Nguyễn Công N cho mượn hoặc cho xin các tài liệu về chỉ tiêu kế hoạch kinh tế, các dự án của tỉnh để nghiên cứu. Ông N đã đưa cho T tập tài liệu về khoáng sản của tỉnh B và đưa cho ông C tập “Chỉ tiêu kế hoạch kinh tế xã hội năm 2003” (bản sao) và tập tài liệu “Chỉ tiêu kế hoạch kinh tế xã hội năm 2004 của tỉnh B” (bản chính có đóng dấu Mật). Tuy nhiên, trước khi đưa cho ông C, ông N đã chủ động xóa dấu “Mật” ở tập tài liệu này. Ngày 07 tháng 4 năm 2004, Lê Văn T mượn lại của ông C tập “Chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2004 của tỉnh B” photocopy một bản đưa lại cho ông C, T giữ lại bản chính để nghiên cứu về các chỉ tiêu vườn rừng. Ngày 14 tháng 5 năm 2004, T sang Trung Quốc gặp Trần Tiến C ở nhà máy xi măng Ninh Minh (C là bạn hàng của T) để bàn việc ký hợp đồng bán than cho nhà máy xi măng Ninh Minh. Khi đến cửa khẩu Chi Ma – Lạng Sơn, Bộ đội biên phòng phát hiện trong cặp của T có nhiều tài liệu, qua kiểm tra thấy có tập tài liệu “Chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2004 của tỉnh B” nên Đoàn biên phòng cửa khẩu Chi Ma đã bắt giữ T.

Xung quanh nội dung vụ án này, có hai ý kiến về định tội danh như sau:

- Ý kiến thứ nhất cho rằng, Lê Văn T phạm tội “Chiếm đoạt tài liệu BMNN” quy định tại Điều 263 BLHS năm 1999;
- Ý kiến thứ hai cho rằng, Nguyễn Công N phạm tội “Cố ý làm lộ BMNN” quy định tại Điều 263 BLHS năm 1999.

Theo chúng tôi hành vi của của Lê Văn T không phạm tội chiếm đoạt tài liệu BMNN, vì: Theo quy định tại Khoản 1 Điều 263 BLHS năm 1999 thì “*Người nào cố ý làm lộ BMNN hoặc chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu BMNN... thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm*”. Mặc dù điều luật không mô tả tội chiếm đoạt tài liệu BMNN là như thế nào, nhưng thực tiễn xét xử cho thấy tội chiếm đoạt tài liệu BMNN là việc người phạm tội bằng các hành động như cướp, cướp giật, trộm cắp, lừa đảo, lạm dụng tín nhiệm... làm cho tài liệu BMNN tách rời khỏi sự quản lý hợp pháp của người có trách nhiệm quản lý thành sở hữu hoặc quản lý bất hợp pháp của mình. Mặt khác, người phạm tội phải biết rõ tài liệu mình muốn chiếm đoạt là BMNN và mong muốn sở hữu tài liệu BMNN đó để phục vụ cho động cơ, mục đích cá nhân (vụ lợi, trả thù cá nhân, hạ uy tín...).

Đối chiếu với vụ án của Lê Văn T thì trường hợp của T không thỏa mãn yếu tố dùng mọi cách để chiếm giữ trái phép tài liệu mật do ông N quản lý. T không dùng thủ đoạn hoặc bất kỳ hành vi nào khác, như cướp, lấy trộm hay lừa đảo hoặc lạm dụng tín nhiệm để chiếm đoạt bản “Chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2004” của tỉnh B do ông N quản lý thành sở hữu riêng. Mặt khác, ông N đã chủ động xóa bỏ dấu mật đóng trên tài liệu nên T không biết đây là tài liệu và T chỉ giữ bản gốc để phục vụ nghiên cứu chứ không có mục đích chiếm đoạt tài liệu này thành sở hữu riêng hoặc mang sang cửa khẩu bán kiếm lời (T không có ý thức thực hiện việc chiếm đoạt). Như vậy, hành vi của T không đủ yếu tố cấu thành tội chiếm đoạt tài liệu mật quy định tại Khoản 1 Điều 263 BLHS năm 1999. Đối với Nguyễn Công N là người được giao quản lý tập tài liệu “Chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2004 của tỉnh B”. N biết đây là tài liệu mật, muốn cho người khác nghiên cứu, khai thác hoặc cung cấp phải được người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về bảo vệ BMNN. Tuy nhiên, ông N vẫn cố ý xóa dấu mật để cung cấp cho ông C nên định tội danh Nguyễn Văn N phạm tội “Cố ý làm lộ BMNN” theo quy định tại Khoản 1 Điều 263 là có căn cứ pháp lý.

Hoặc vụ án: Ông Chu Đăng T, chuyên viên Cục Quản lý dược (Bộ Y tế) là người được lãnh đạo Bộ Y tế giao soạn thảo Công văn “Đánh giá hoạt động của Công ty TNHH Zuellig Pharma Việt Nam” (Công văn mật). Ngày 19 tháng 5 năm 2004, Nguyễn Thị Lan A là phóng viên Báo Tuổi trẻ thành phố H gọi điện cho Nguyễn Mạnh C (nhân viên Phòng Hành chính, Bộ Y tế) hỏi có tài liệu gì mới về Công ty Zuellig Pharma thì chuyển cho Lan A. Nguyễn Mạnh C đến Phòng Hành chính mở cặp tài liệu để trên bàn làm việc của bà Trần Thị Xuân D rút Công văn số 3497/YT-QLD đem đi photo 01 bản rồi trả bản gốc vào chỗ cũ. Sau đó, C chuyển giao cho Lan A bản photo Công văn trên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2004, nội dung Công văn 3497 của Bộ Y tế được đăng công khai trên Báo Nhân dân và Báo Tuổi trẻ thành phố H. Tương tự vụ án Lê Văn T, việc định tội danh vụ án này cũng có những ý kiến khác nhau:

Ý kiến thứ nhất cho rằng, Nguyễn Mạnh C, Nguyễn Thị Lan A phạm tội cố ý làm lộ BMNN quy định tại Điều 263 BLHS năm 1999;

Ý kiến thứ hai cho rằng, Nguyễn Mạnh C, Nguyễn Thị Lan A phạm tội chiếm đoạt tài liệu BMNN quy định tại Điều 263 BLHS năm 1999.

Ý kiến thứ ba cho rằng, Nguyễn Mạnh C, Nguyễn Thị Lan A phạm tội chiếm đoạt tài liệu của cơ quan nhà nước quy định tại Điều 268 BLHS năm 1999.

Căn cứ vào nội dung, tình tiết vụ án cho thấy do có sự thỏa thuận trước với Nguyễn Thị Lan A, Nguyễn Mạnh C đã thực hiện hành vi lén lút, chiếm đoạt trái phép Công văn số 3497 ngày 19 tháng 5 năm 2004 của Bộ Y tế đang trực tiếp quản lý. Sau khi chiếm đoạt được Công văn trên, Nguyễn Mạnh C đã photo và chuyển cho Nguyễn Thị Lan A. Nguyễn Mạnh C là nhân viên Phòng hành chính của Bộ Y tế nên C buộc phải biết những tài liệu thuộc danh mục BMNN của ngành Y tế và C cũng nắm rõ được vụ việc xảy ra tại Công ty Zuellig Pharma đang trong giai đoạn xác minh, làm rõ, cán bộ không có trách nhiệm không được tiếp cận thông tin và tiết lộ thông tin cho những người không có trách nhiệm; Nguyễn Thị Lan A là phóng viên báo nên có trách nhiệm phải biết những thông tin nào được đăng công khai và chưa được đăng công khai trên báo. Do đó, chúng tôi đồng ý với ý kiến thứ 2: Nguyễn Mạnh C và Nguyễn Thị Lan A phạm tội chiếm đoạt BMNN, tội phạm và hình phạt được quy định Khoản 1 Điều 263 BLHS.

Ngoài ra, nghiên cứu Điều 263, Điều 264 BLHS năm 1999 thấy các dấu hiệu trong mặt khách quan của cấu thành tội phạm chưa cụ thể, rõ ràng gây khó khăn cho việc định tội danh đối với loại tội phạm này: Theo quy định tại Điều 1 Pháp lệnh Bảo vệ BMNN năm 2000 thì "BMNN là những tin về vụ, việc, tài liệu, vật, địa điểm, thời gian, lời nói có nội dung quan trọng thuộc lĩnh vực chính trị, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, kinh tế, khoa học, công nghệ, các lĩnh vực khác mà Nhà nước không công bố hoặc chưa công bố và nếu bị tiết lộ thì gây nguy hại cho Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam". Theo quy định tại Điều 263, 264 BLHS thì đối tượng BMNN bị xâm phạm chỉ là tài liệu. Như vậy các đối tượng khác như tin về vụ, việc, vật, địa điểm, thời gian, lời nói có nội dung quan trọng... không phải là đối tượng xâm phạm của các tội chiếm đoạt, tiêu hủy hoặc mua bán và mất tài liệu BMNN. Đây là nội dung cần nghiên cứu, sửa đổi, hoàn thiện Điều 263, 264.

Về tiêu hủy BMNN: Theo quy định tại Điều 3 Pháp lệnh Bảo vệ BMNN năm 2000 và Điều 21 Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Bảo vệ BMNN thì BMNN có thể được tiêu hủy trên cơ sở quyết định của người có thẩm quyền và tuân thủ theo trình tự, thủ tục nhất định trong các trường hợp đặc biệt. Tuy nhiên theo quy định tại Điều 263 BLHS thì việc tiêu hủy BMNN (được phép hoặc không được phép) đều phạm tội tiêu hủy tài liệu BMNN. Đây cũng là nội dung cần nghiên cứu sửa đổi, hoàn thiện Điều 263.

2.2.4. Áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Bên cạnh thực tiễn có những trường hợp định tội danh không thống nhất thì cũng còn nhiều bất cập trong việc áp dụng các tình tiết tăng nặng định khung. Qua nghiên cứu, nhiều trường hợp không có cơ sở để đánh giá thế nào là “hậu quả nghiêm trọng”, “hậu quả rất nghiêm trọng” hay “hậu quả đặc biệt nghiêm trọng”.

Nghiên cứu quy định về tình tiết tăng nặng định khung quy định tại Điều 263, Điều 264 thấy có một số khó khăn, vướng mắc về các tình tiết tăng nặng định khung “gây hậu quả nghiêm trọng”, “gây hậu quả rất nghiêm trọng”, “gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng”. Có một số quan điểm khác nhau về xác định tình tiết tăng nặng định khung đối với các tội xâm phạm BMNN:

Quan điểm thứ nhất: Căn cứ vào Pháp lệnh Bảo vệ BMNN số 30/2000/PL-UBTVQH10 ngày 28/12/2000 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng của loại tội phạm này được xác định bởi giá trị của tài liệu mật hay đó là tính chất quan trọng của tài liệu, mức độ nguy hại nếu tài liệu mật đó bị tiết lộ, bị chiếm đoạt, bị tiêu hủy hoặc bị mua bán.

Quan điểm thứ hai cho rằng, hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng do hành vi xâm phạm BMNN gây ra chủ yếu là những thiệt hại phi vật chất, ảnh hưởng đến chủ trương, chính sách, kế hoạch của cơ quan, tổ chức. Nếu là thiệt hại vật chất, có thể coi là hậu quả nghiêm trọng nếu hành vi xâm phạm BMNN gây ra từ 100 triệu đồng đến dưới 300 triệu đồng (tương đương với hành vi cố ý làm trái quy định của nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng).

Mặt khác, đối với Điều 263 BLHS, trong khung hình phạt tăng nặng, điều luật chỉ quy định các tình tiết tăng nặng về hậu quả của hành vi phạm tội mà không quy định các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự khác có thể xảy ra đối với loại tội phạm này, như: Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, phạm tội nhiều lần, làm lộ hoặc chiếm đoạt, tiêu hủy, mua bán tài liệu BMNN với số lượng lớn, có tổ chức...; trong khung hình phạt tăng nặng

quy định tại Điều 264 chỉ quy định tình tiết tăng nặng gây hậu quả nghiêm trọng, chưa quy định tình tiết tăng nặng định khung đối với hành vi gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng. Đây là những vấn đề cần nghiên cứu, sửa đổi, hoàn thiện Điều 263, Điều 264 BLHS.

2.2.5. Áp dụng hình phạt chính và hình phạt bổ sung

Qua nghiên cứu thực tiễn xét xử một số vụ án xâm phạm BMNN, thấy việc áp dụng hình phạt chính trong mỗi vụ án cũng có sự khác nhau. Dưới đây là ví dụ hai vụ án:

Vụ án thứ nhất, Ngô Văn T (Quốc tịch Đài Loan - Trung Quốc) cùng đồng bọn sao chép thông tin dữ liệu tài khoản của khách hàng tại máy rút tiền ATM của Ngân hàng Đông Á đã nêu ở phần mặt khách quan của tội cố ý làm lộ BMNN; tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu BMNN. Ngô Văn T đã bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội áp dụng Khoản 1, Điều 263 BLHS năm 1999 tuyên phạt 30 tháng tù giam về tội chiếm đoạt tài liệu BMNN.

Vụ án thứ hai: Nguyễn H, Phó Trưởng phòng Công nghệ thông tin, Cục sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ) truy cập vào hệ thống cơ sở dữ liệu Cục sở hữu trí tuệ sao chép khoảng 40GB dữ liệu về bản quyền nhãn hiệu hàng hóa, trong đó có khoảng 600 Đơn đăng ký bản quyền nhãn hiệu hàng hóa của Việt Nam chưa công chuyển phát nhanh cho Công ty Avantiq. Sau đó, H tiếp tục thỏa thuận mua bán dữ liệu hàng hóa Việt Nam 08 tháng đầu năm 2011 với giá 5.000 USD. Tổng cộng Nguyễn H đã nhận của Công ty Avantiq 30.000 USD (tương đương 620 triệu đồng).

Tại bản án sơ thẩm số 353/2013/HSST, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã áp dụng Khoản 1, Khoản 4 Điều 263 BLHS tuyên phạt bị cáo Nguyễn H 12 tháng cải tạo không giam giữ và phạt 05 triệu đồng về tội chiếm đoạt, mua bán tài liệu BMNN.

So sánh hình phạt áp dụng với hai bị cáo của hai vụ án thấy có sự khác nhau. Với hành vi chiếm đoạt tài liệu BMNN, Ngô Văn T bị tuyên phạt 30 tháng tù giam, nhưng với hành vi chiếm đoạt, mua bán BMNN, Nguyễn H chỉ bị tuyên phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ. Rõ ràng hành vi của Nguyễn H là nguy hiểm hơn, gây hậu quả nghiêm trọng hơn (ngoài chiếm đoạt, H còn bán bí mật cho công ty nước ngoài để thu lợi hơn 600 triệu đồng) nhưng Hội đồng xét xử quyết định hình phạt nhẹ hơn. Điều này là không phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo H gây ra cũng như ảnh hưởng đến tính nghiêm minh, công bằng của pháp luật, tính răn đe người khác.

Đối với hình phạt bổ sung: Nghiên cứu kết quả xét xử một số vụ án xâm phạm BMNN, Tòa án rất ít áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị

cáo phạm tội xâm phạm BMNN. Đối với vụ án Nguyễn H chiếm đoạt, mua bán tài liệu mật, Tòa án nhân dân thành phố H áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền 5 triệu đồng đối với Nguyễn H, nhưng không áp dụng hình phạt bổ sung liên quan đến chức vụ của H mặc dù H là người có chức vụ (Phó Trưởng phòng Công nghệ thông tin, Cục Sở hữu trí tuệ). Tương tự vụ án Phạm Thiên H phạm tội chiếm đoạt, mua bán BMNN, Tòa án nhân dân thành phố H cũng không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Phạm Thiên H, nhân viên kinh doanh của ngân hàng hoặc vụ án Nguyễn Mạnh H phạm tội cố ý làm lộ BMNN (thanh tra viên Cục II, Thanh tra Chính phủ). Đây là vấn đề cần bồi dưỡng, nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử các vụ án xâm phạm BMNN.

2.2.6. Nguyên nhân của những hạn chế, bất cập trong áp dụng các tội xâm phạm bí mật nhà nước

Một là, một số quy định của pháp luật hình sự về các tội xâm phạm BMNN chưa cụ thể, rõ ràng; chậm được sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn áp dụng của liên ngành tư pháp trung ương.

Hai là, công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ BMNN cho cán bộ, quần chúng nhân dân chưa thường xuyên; hình thức chưa phong phú.

Ba là, kiến thức, nhận thức của một bộ phận cán bộ trực tiếp làm công tác điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN còn hạn chế. Một số điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán chưa nhận thức đúng, sâu sắc về BMNN, tầm quan trọng của công tác bảo vệ BMNN và nhiệm vụ bảo vệ BMNN; năng lực, trình độ chuyên môn chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ; công tác tập huấn nghiệp vụ, thanh tra, kiểm tra, tổng kết thực tiễn, rút kinh nghiệm tiến hành chưa thường xuyên.

Bốn là, việc trao đổi thông tin, chứng cứ ban đầu, việc phân loại đối tượng, quan điểm xử lý đối tượng giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN chưa thường xuyên, kịp thời; quan hệ phối hợp giữa cơ quan tiến hành tố tụng và cơ quan giám định chưa chặt chẽ, nhiều vụ án thời hạn điều tra kéo dài do gặp khó khăn, vướng mắc trong công tác giám định.

Năm là, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chưa nâng cao vai trò, chức năng giám sát đối với các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm BMNN. Vai trò giám sát của quần chúng nhân dân và các phương tiện truyền thông đại chúng đối với hoạt động điều tra, truy tố, xét xử còn hạn chế và gặp khó khăn, vướng mắc bởi các quy định của pháp luật có liên quan.

Sáu là, nước ta đang trong quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng nên các thế lực thù địch và bọn tội phạm lợi dụng quá trình hợp tác để tiến

hành thu thập, chiếm đoạt BMNN. Trình độ, kiến thức về công nghệ thông tin của đội ngũ cán bộ làm công tác điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN còn hạn chế.

Chương 3

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM NĂM 1999 VỀ CÁC TỘI XÂM PHẠM BÍ MẬT NHÀ NƯỚC

3.1. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật hình sự quy định các tội xâm phạm bí mật nhà nước

3.1.1. Kiến nghị sửa đổi, hoàn thiện Điều 263

Kiến nghị tách Điều 263 thành 4 Điều luật riêng biệt, quy định cụ thể và rõ ràng hành vi khách quan để dễ áp dụng hơn. Đồng thời tại các điều luật mới sẽ không sử dụng thuật ngữ “tài liệu BMNN” mà thống nhất sử dụng thuật ngữ “BMNN” cho phù hợp với quy định của Pháp lệnh Bảo vệ BMNN năm 2000 về khái niệm BMNN; tội tiêu hủy tài liệu BMNN sửa thành tội tiêu hủy trái phép BMNN cho phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ BMNN và sửa đổi khung hình phạt theo hướng nhẹ hơn cho tội phạm này. Sửa đổi cụ thể như sau:

“Điều 263. Tội cố ý làm lộ BMNN

1. Người nào cố ý làm cho người khác biết về BMNN thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm;

2. Phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng thì bị phạt tù từ năm năm đến mười năm;

3. Phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù từ mười năm đến mười lăm năm;

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một đến năm năm.

Điều 263a. Tội chiếm đoạt BMNN

1. Người nào chiếm giữ trái phép BMNN, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 80 của Bộ luật này thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm;

2. Phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng thì bị phạt tù từ năm năm đến mười năm;

3. Phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù từ mười năm đến mười lăm năm;

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một đến năm năm.

Điều 263b. Tội mua bán BMNN

1. Người nào dùng tiền hoặc các lợi ích vật chất khác mua, bán BMNN, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 80 của Bộ luật này thì bị phạt tù từ năm năm đến mười năm;

2. Phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng thì bị phạt tù từ mười năm đến mười lăm năm;

3. Phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù từ mười lăm năm đến hai mươi năm;

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ hai mươi triệu đồng đến một trăm triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một đến năm năm.

Điều 263c. Tội tiêu hủy trái phép BMNN

1. Người nào tiêu hủy trái phép BMNN thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm;

2. Phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm;

3. Phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù từ năm năm đến mười năm;

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến một trăm triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm”.

Ngoài ra, chúng tôi kiến nghị các nhà làm luật nghiên cứu, bổ sung các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự khác có thể xảy ra đối với loại tội phạm này để hoàn thiện Điều 263. Ví dụ như các tình tiết: Lợi dụng chức vụ, quyền hạn; phạm tội nhiều lần, làm lộ hoặc chiếm đoạt, tiêu hủy trái phép, mua bán nhiều BMNN.

3.1.2. Kiến nghị sửa đổi, hoàn thiện Điều 264

Kiến nghị nhà làm luật tách thành hai điều luật, quy định hai tội phạm riêng biệt, quy định cụ thể và rõ ràng hành vi khách quan. Đồng thời sử dụng thống nhất thuật ngữ “BMNN” thay thuật ngữ “tài liệu BMNN”; bổ sung tình tiết tăng nặng về hậu quả của hành vi phạm tội (rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng), sửa đổi cụ thể như sau:

“Điều 264. Tội vô ý làm lộ BMNN

1. Người nào không thực hiện đúng các quy định về bảo vệ BMNN mà vô ý làm cho người biết về BMNN thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm;

2. Phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm;

3. Phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù từ năm năm đến mười năm;

4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm.

Điều 264a. Tội làm mất BMNN

1. Người nào làm mất BMNN thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm;

2. Phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm;

3. Phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù từ năm năm đến mười năm;

4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm”.

3.1.3. Kiến nghị xây dựng Thông tư liên tịch hướng dẫn áp dụng các tội xâm phạm bí mật nhà nước

Các tình tiết tăng nặng “hậu quả nghiêm trọng”, “hậu quả rất nghiêm trọng”, “hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” quy định tại Điều 263, Điều 264 BLHS chưa được hướng dẫn gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng khi xác định các tình tiết tăng nặng định khung hình phạt. Vì vậy, chúng tôi kiến nghị liên ngành tư pháp Trung ương sớm ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn xác định tình tiết “hậu quả nghiêm trọng”, “hậu quả rất nghiêm trọng”, “hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” theo hướng sau:

Xác định “hậu quả nghiêm trọng”, “hậu quả rất nghiêm trọng”, “hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” đối với các tội phạm xâm phạm BMNN căn cứ vào tính chất quan trọng của BMNN, phạm vi ảnh hưởng, mức độ nguy hại của BMNN bị lộ, mất.

Đối với những vụ án lộ hoặc mất BMNN mà hậu quả xảy ra có thiệt hại về vật chất (lộ hoặc mất BMNN liên quan đến vấn đề kinh tế; sáng chế; giải pháp hữu ích...), theo chúng tôi, có thể coi là hậu quả nghiêm trọng nếu hành vi xâm phạm BMNN gây ra thiệt hại từ 100 triệu đồng đến dưới 300 triệu đồng (tương đương với hành vi cố ý làm trái quy định của nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng); rất nghiêm trọng, nếu hành vi xâm phạm BMNN gây ra thiệt hại từ 300 triệu đồng đến dưới một tỷ đồng; đặc biệt nghiêm trọng, nếu hành vi xâm phạm BMNN gây ra thiệt hại từ một tỷ đồng trở lên.

3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của BLHS về các tội xâm phạm bí mật nhà nước

3.2.1. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước

Tuyên truyền, giáo dục, pháp luật về bảo vệ BMNN có ý quan trọng trong áp dụng các quy định của BLHS về các tội xâm phạm BMNN. Trước tiên, cần chú trọng phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức, lực lượng vũ trang và các tầng lớp nhân dân để nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm cho đội ngũ này trong công tác bảo vệ BMNN. Việc tuyên truyền, phổ biến phải được tiến hành bằng nhiều hình thức phù hợp với từng đối tượng, từng cơ quan, đơn vị, địa bàn và phải tiến hành thường xuyên; trong đó, tập trung tuyên truyền, phổ biến bằng các hình thức: In sách, ấn phẩm, tổ chức hội nghị phổ biến, phổ biến trong các cuộc họp, sinh hoạt cơ quan, đơn vị, phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng, sao gửi văn bản hoặc tổ chức cuộc thi tìm hiểu về bảo vệ BMNN...

3.2.2. Bồi dưỡng, đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ trực tiếp điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm bí mật nhà nước

Trong suốt quá trình phát triển, công tác bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ của ngành tư pháp luôn được đặt ở vị trí trung tâm với phương châm “cán bộ là nòng cốt cho hiệu quả công việc”.

Ngoài kinh nghiệm thực tiễn, chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN phụ thuộc rất nhiều vào chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán... cả về phẩm chất, trình độ, kỹ năng công tác và kinh nghiệm thực tiễn thông qua việc phát triển nguồn nhân lực làm công tác này. Việc đào tạo, bồi dưỡng tập trung vào những nội dung sau:

Thứ nhất, đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chính trị, phẩm chất đạo đức cho đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN.

Thứ hai, đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao kiến thức pháp luật, nghiệp vụ điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN và tinh thần tự tôn nghề nghiệp, phụng sự pháp luật của đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN

Thứ ba, công tác đào tạo, bồi dưỡng phải gắn liền với tăng cường kỷ luật, kỷ cương công vụ, nâng cao ý thức trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ của cán bộ trực tiếp làm công tác điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm BMNN.

3.2.3. Nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm bí mật nhà nước

Áp dụng pháp luật trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN là hoạt động có ý nghĩa quan trọng, đòi hỏi cán bộ trực tiếp làm công tác này phải nâng cao tinh thần trách nhiệm, trình độ pháp luật và năng lực chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật trong điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN:

Thứ nhất, tiến hành rà soát lại trình độ, năng lực của đội ngũ điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán; đánh giá, phân loại khả năng giải quyết công việc thực tế của họ để đề xuất biện pháp đào tạo, bố trí, giao nhiệm vụ một cách hợp lý.

Thứ hai, đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN phải luôn tự nghiên cứu, học hỏi trau dồi kiến thức về BMNN, bảo vệ BMNN, quy định của pháp luật hình sự về các tội xâm phạm BMNN để áp dụng pháp luật một cách chính xác, khách quan, toàn diện.

Thứ ba, phân công điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán có năng lực, trình độ và kinh nghiệm chuyên môn để thụ lý điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm BMNN.

Thứ tư, nâng cao nhận thức về năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm BMNN.

Thứ năm, tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng trong các cơ quan điều tra, viện kiểm sát, tòa án trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm BMNN.

3.2.4. Tăng cường quan hệ phối hợp giữa các cơ quan tư pháp trong điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm bí mật nhà nước

Để nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của BLHS về các tội xâm phạm BMNN, xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ BMNN, cơ quan điều tra, viện kiểm sát, tòa án cần tăng cường công tác phối hợp trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm BMNN, cụ thể:

Một là, cơ quan điều tra, viện kiểm sát, tòa án cần quán triệt sâu sắc tầm quan trọng của BMNN, ý nghĩa của công tác bảo vệ BMNN đến toàn thể cán bộ điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán để nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ này về tầm quan trọng và nhiệm vụ bảo vệ BMNN trong tình hình hiện nay.

Hai là, nâng cao nhận thức và tinh thần trách nhiệm cho đội ngũ điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán về mục đích, yêu cầu, nội dung và ý nghĩa của mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm BMNN.

Ba là, nghiên cứu hoàn thiện tổ chức bộ máy cơ quan điều tra, viện

kiểm sát, tòa án cho phù hợp và khoa học theo Kết luận số 92-KL/TW ngày 12 tháng 3 năm 2014 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02 tháng 6 năm 2005 của Bộ Chính trị khóa IX về “Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020”. Theo đó, sắp xếp tinh gọn đầu mối cơ quan điều tra, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, không chồng chéo nhiệm vụ; thực hiện chủ trương tổ chức tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân theo cấp xét xử, không phụ thuộc vào đơn vị hành chính.

Bốn là, cơ quan điều tra, viện kiểm sát, tòa án cần phối hợp chặt chẽ với nhau trong công tác thông tin tuyên truyền, giáo dục ý thức pháp luật nhằm nâng cao nhận thức của mọi tầng lớp nhân dân trong bảo vệ BMNN.

Năm là, ba ngành Công an, Viện kiểm sát, Tòa án phải thường xuyên giao ban, họp liên ngành để tìm biện pháp thúc đẩy tiến độ giải quyết các vụ án xâm phạm BMNN; giải quyết những vướng mắc, đề xuất, kiến nghị của từng ngành trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN; thường xuyên phối hợp tổ chức các lớp tập huấn, hội nghị chuyên đề về lĩnh vực điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN để các điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán nắm chắc kỹ năng, thao tác nghiệp vụ, phát huy khả năng, năng lực của mình.

3.2.5. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ, sơ kết, tổng kết trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm bí mật nhà nước

Thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ, sơ kết, tổng kết là những công tác không thể thiếu trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN. Làm tốt công tác này góp phần nâng cao hiệu quả chất lượng áp dụng pháp luật, trình độ chuyên môn của cán bộ, điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán; hạn chế oan sai, bỏ lọt tội phạm. Để làm tốt những công tác này phải thực hiện một số nội dung sau:

Thứ nhất, công tác thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN phải được tiến hành thường xuyên theo định kỳ, trong những trường hợp đặc biệt thì tiến hành thanh tra, kiểm tra đột xuất.

Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao phải làm tốt công tác hướng dẫn nghiệp vụ điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN cho các đơn vị cấp dưới. Việc hướng dẫn nghiệp vụ có thể tiến hành bằng các hình thức như thông qua thanh tra, kiểm tra để hướng dẫn trực tiếp hoặc ban hành văn bản hướng dẫn hoặc thông qua các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, hội nghị chuyên đề.

Thứ hai, công tác sơ kết hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN cần được tiến hành theo định kỳ một năm một lần; công

tác tổng kết cần tiến hành theo định kỳ năm năm một lần. Qua sơ kết, tổng kết phải đánh giá được thực trạng, đúc rút những bài học kinh nghiệm trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN để tuyên truyền, phổ biến sâu rộng nhằm phát huy những mặt tích cực trong từng hoạt động. Đồng thời phải chỉ ra được những hạn chế, thiếu sót, sai phạm, nguyên nhân của những hạn chế, thiếu sót để quán triệt cho đội ngũ cán bộ điều tra, kiểm sát viên, thẩm phán.

3.2.6. Tăng cường giám sát của nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các phương tiện truyền thông đại chúng trong áp dụng pháp luật về các tội xâm phạm bí mật nhà nước

Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02 tháng 01 năm 2002 của Bộ Chính trị đã chỉ rõ “*tăng cường sự giám sát của Quốc hội, Hội đồng Nhân dân, của các tổ chức xã hội và của nhân dân đối với công tác tư pháp*”; theo quy định tại Điều 32 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 thì “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có quyền giám sát hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng”. Theo đó, tăng cường giám sát của nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thể hiện tính công khai, dân chủ, minh bạch của hoạt động áp dụng pháp luật về các tội xâm phạm BMNN trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử của cơ quan điều tra, viện kiểm sát và tòa án. Mặt khác, tăng cường giám sát của nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam sẽ phát huy được sức mạnh tổng hợp của các cơ quan dân cử và của toàn xã hội đối với công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, đảm bảo mọi hành vi phạm tội đều được phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm minh, tránh sự lạm quyền, chống oan sai và bỏ lọt tội phạm.

Phương tiện truyền thông đại chúng có thể mạnh tuyệt đối trong việc nêu vấn đề, đưa ra ánh sáng dư luận những hiện tượng tiêu cực, tham nhũng, suy thoái đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên. Biểu hiện của phương tiện truyền thông đại chúng là hiệu ứng xã hội, đặc biệt là việc định hướng dư luận trong việc đưa, tiếp nhận thông tin. Khi thực hiện vai trò giám sát, phương tiện truyền thông đại chúng có tác động tích cực đến hoạt động áp dụng pháp luật về các tội xâm phạm BMNN của các điều tra viên, kiểm sát viên và thẩm phán; các chủ thể tiến hành tố tụng phải nâng cao tinh thần trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp, công minh, khách quan trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án xâm phạm BMNN.

KẾT LUẬN

Các hành vi xâm phạm đến BMNN được coi là tội phạm quy định tại các Điều 263, 264 BLHS với khung hình phạt rất nghiêm khắc, đặc biệt đối với hành vi phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng và

đặc biệt nghiêm trọng. Tuy nhiên, trong quá trình thi hành, áp dụng các quy định của BLHS năm 1999 về các tội xâm phạm BMNN vẫn nảy sinh một số vướng mắc, bất cập, như: chưa quy định cụ thể mặt khách quan trong cấu thành tội phạm cụ thể; quyết định hình phạt đối với trường hợp có tình tiết tăng nặng định khung, áp dụng hình phạt bổ sung... những vướng mắc, bất cập này phần nào chưa kiểm soát được tình hình tội phạm xâm phạm BMNN, chưa hạn chế được lộ, mất BMNN mặc dù Nhà nước ta rất quan tâm đến công tác này.

Để khắc phục tình trạng trên và hoàn thiện quy định của pháp luật hình sự về các tội xâm phạm BMNN; nâng cao chất lượng áp dụng các quy định của BLHS trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN, tác giả luận văn đã sử dụng, kết hợp các phương pháp nghiên cứu khoa học để nghiên cứu, tiếp thu những kết quả, thành tựu nghiên cứu của các tác giả thuộc các cơ quan Đảng, Nhà nước, lực lượng vũ trang, cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ BMNN; so sánh, đối chiếu những tài liệu, sách chuyên khảo để phân tích, đánh giá các quy định của Luật hình sự Việt Nam về các tội xâm phạm BMNN và thực tiễn áp dụng. Từ đó, kiến nghị hoàn thiện pháp luật hình sự và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của BLHS trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN. Luận văn đã tập trung vào các vấn đề sau:

Phân tích, làm rõ cơ sở lý luận, cơ sở pháp lý về BMNN; các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tội xâm phạm BMNN.

Tập trung phân tích thực trạng áp dụng pháp luật trong điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN trong mười năm (từ năm 2004 đến năm 2014). Tác giả đã chú ý phân tích, đánh giá những kết quả đạt được và những mặt còn hạn chế, thiếu sót và những quan điểm khác nhau trong định tội danh; đồng thời đưa ra một số quy định của BLHS gây khó khăn, vướng mắc trong quá trình áp dụng. Trên cơ sở đó, tác giả đưa ra hai nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các tội xâm phạm BMNN. Thực hiện tốt những giải pháp này sẽ góp phần tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, hạn chế được những vi phạm nảy sinh trong quá trình giải quyết vụ án xâm phạm BMNN.

Những kết quả đạt được của luận văn, ngoài sự nỗ lực của bản thân tác giả còn có sự giúp đỡ của các giảng viên, các nhà khoa học, các đồng nghiệp trong ngành Công an và đặc biệt là sự giúp đỡ đầy trách nhiệm của thầy hướng dẫn khoa học luận văn này. Tuy nhiên, do điều kiện nghiên cứu và khả năng nghiên cứu, biên tập của tác giả nên luận văn không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót nhất định. Tác giả luận văn mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các nhà khoa học, các thầy, cô để luận văn được hoàn thiện./.